

Nguyễn Duy Chính

CUỘC KHỞI NGHĨA LẬT ĐỔ TRIỀU NGUYỄN



LỜI NÓI ĐẦU:

Kim Dung viết ba truyện dài liên tiếp bắt đầu từ Xạ Điều Anh Hùng Truyện, tiếp theo là Thần Điêu Hiệp Lữ và sau cùng là Ý Thiên Đồ Long Ký. Xạ Điều Anh Hùng Truyện có bối cảnh là cuối đời nhà Tống, Thần Điêu Hiệp Lữ là giai đoạn người Trung Hoa chống lại nạn Bắc xâm, chủ yếu là việc thủ thành Tương Dương và Ý Thiên Đồ Long Ký viết về cuối đời Nguyên trong thời kỳ những thế lực tôn giáo lãnh đạo cuộc khởi nghĩa lật đổ nhà Nguyên. Cả ba bộ truyện đã kéo dài hơn một trăm năm từ đầu chí cuối triều đại của người Mông Cổ hình thành một đế quốc được coi là vĩ đại nhất trong lịch sử loài người, bao trùm một khu vực địa dư từ Á sang Âu.

Bài viết này vẽ lại bức tranh lịch sử của thời kỳ đó, nhấn mạnh vào giai đoạn cuối đời Nguyên để nhằm làm sáng tỏ một số câu hỏi liên quan đến lịch sử ngũ hầu tạo một khoảng cách giữa thực tế và tiểu thuyết hầu cho chúng ta cái nhìn chính xác hơn về cuộc diện Trung Hoa vào cuối thế kỷ 14.

Một tác giả Hoa Kỳ bảo rằng người Trung Hoa (và cả người Việt Nam nữa chẳng???) nhìn lịch sử của họ chẳng khác gì một người già cả nhìn lại thuở

thanh xuân. Cái quá khứ xa xăm kia bao giờ cũng sống động, huy hoàng và mỗi lần kể lại, người ta lại tô điểm cho nó thêm rực rỡ, phóng đại và sẵn sàng bóp méo nhiều chi tiết[1]. Chính vì thế việc phân tích và lựa chọn tài liệu là một việc khó khăn và rất khó nhìn vấn đề cho trung thực và khách quan. Tóm tắt một giai đoạn nhiễu nhương và nhiều biến cố trong mười trang giấy một cách chính xác là điều gần như không thể làm được, nhất là mỗi sử gia lại nhìn dưới một góc cạnh khác nhau. Thành thử chúng tôi chỉ chọn lựa những chi tiết nào có thể đóng góp một cái nhìn lịch sử, bổ túc cho bản dịch bộ Ý Thiên Đồ Long Ký mà thôi chứ không có ý định viết thành một biên khảo về một giai đoạn phức tạp của Trung Hoa.

Một trong những vấn đề mà bất cứ ai đọc về tình trạng cuối đời Nguyên đều khó tìm ra manh mối vì chúng ta thấy có nhiều cuộc nổi dậy tại nhiều vùng, mỗi người cát cứ một phương. Họ có liên hệ với nhau không? Phải chăng cùng trong một tổ chức như Kim Dung miêu tả? Trong những người đó ai hơn ai, người nào chỉ huy người nào? Thực tế, đây đều là những nhóm độc lập, mặc dầu khi cần thiết họ vẫn liên minh với nhau để tồn tại. Có những nhóm dựa vào sức mạnh tôn giáo và thần quyền vận động quần chúng bằng lời tuyên truyền mê tín, có nhóm thì dựa vào lòng hoài vọng tiền triều nhân danh khôi phục nhà Tống, cũng có nhóm lại chỉ vì đói khó quá mà đi ăn cướp sau lớn dần thành một lực lượng quân sự. So sánh giai đoạn này với cuộc nội chiến ở Trung Hoa thời Dân Quốc đầu thế kỷ 20 sau khi nhà Thanh bị lật đổ, chúng ta thấy có nhiều điểm tương đồng. Phải chăng lịch sử cũng chỉ là những lập lại trên những qui mô khác nhau nhưng bản chất cũng chỉ là một cuộc đuổi hươu tranh đỉnh?

Nếu thoát hẳn ra khỏi những chi tiết sống động mà Kim Dung đã vẽ nên trong bộ Ý Thiên Đồ Long Ký, chúng ta có thể rút tỉa được một số bài học về chính trị và quân sự, và có cái nhìn chính xác hơn về một triều đại ngã

xuống và một triều đại mới vươn lên.

SƠ LƯỢC VỀ TRIỀU ĐẠI NGUYÊN --MÔNG

Người Mông Cổ cai trị nước Tàu gần đúng một trăm năm (1271-1368).

Trước đó, nhà Tống là một triều đại bị nhiều sử gia coi là hèn yếu nhất trong lịch sử Trung Hoa, tuy có một số thành tựu về văn học và nghệ thuật nhưng luôn luôn bị những tiểu quốc chung quanh uy hiếp, phải triều cống cho lân bang để được yên. Cũng chính triều đại này đã đem quân sang đánh nước ta hai lần nhưng lần nào cũng bị đại bại. Lý Thường Kiệt, danh tướng đời Lý còn đem quân sang tận Ung Châu (1076) rồi lại rút về.

Ngay từ đầu thế kỷ thứ 11, Tống triều hàng năm đã phải “cống” cho nước Liêu mười vạn lượng bạc (100,000) và hai chục vạn (200,000) tấm lụa nhưng kể từ năm 1042 thì tăng lên thành hai mươi vạn (200,000) lượng bạc và ba chục vạn (300,000) cây lụa để họ khỏi đem quân quấy phá biên thùy phía Bắc.

Năm 1126, người Nữ Chân (tức nước Kim) tiến đánh kinh đô Khai Phong, hai cha con vua Huy Tông và hơn 3000 tông thất bị bắt và chín năm sau nhà vua chết trong ngục (1135). Một nửa nước Tàu bị chiếm đóng, nhà Tống phải thiên đô xuống Hàng Châu và triều đình chỉ còn kiểm soát miền nam sông Hoài trở xuống, sử gọi là Nam Tống. Mỗi năm nhà Tống phải “triều cống” một số tiền rất lớn cho người Nữ Chân. Một danh tướng là Nhạc Phi nhiều lần cố đem quân khôi phục lại những đất bị mất vào tay người Kim nhưng không thành công.

Thành thử, trong khoảng một thế kỷ rưỡi, người Trung Hoa hết nhượng bộ cho người Khiết Đan (Liêu) lại triều cống cho người Nữ Chân (Kim) và sau cùng thì bị người Mông Cổ chiếm đóng.

Ngay từ thời thượng cổ, những dân tộc phía bắc đã là một mối đe dọa lớn

cho người Trung Hoa. Những bộ lạc phía bắc là giống dân du mục, sống bằng chăn nuôi rất thiện chiến. Mỗi khi đói kém, họ tràn xuống miền nam quấy phá và cướp bóc lương thực. Người du mục sinh sống trên lưng ngựa ngay từ khi còn nhỏ nên khi trưởng thành nam cũng như nữ đều thiện nghệ về cung tên, quen với chém giết vì đó là sinh hoạt gần như tự nhiên để sinh tồn. Không những họ tàn nhẫn với người Tàu ở phương nam mà cũng luôn luôn tranh giành giữa bộ lạc này với bộ lạc khác, đánh lẫn nhau để cướp gia súc, đàn bà, tài vật. Thành thử một khi họ liên kết được với nhau thì trở thành một sức mạnh khủng khiếp.

Sức mạnh chủ yếu của họ trong chiến đấu là sự di động. Ngựa miền mạc bắc tuy nhỏ con nhưng dai sức, chạy rất nhanh[2]. Mỗi chiến sĩ thường đem theo hai ba con ngựa và đi bộ để dưỡng sức, chỉ khi nào tới gần quân địch mới nhảy lên xông thẳng vào trận địa. Vũ khí chính yếu của họ là cung tên, họ có thể vừa phi ngựa vừa bắn cung bách phát bách trúng. Theo sách vở, mỗi kỵ binh Mông Cổ thường mang hai loại cung, một loại bắn gần và một loại để bắn xa (có thể tới 300 mét). Túi đựng của họ mang được đến 60 mũi tên, có loại bắn thủng được áo giáp, có loại khi bắn ra có tiếng rít dùng để truyền tín hiệu. Quân sĩ của họ lại rất có kỷ luật và nhạy bén trong chiến trận. Đời Đường người Khiết Đan thành lập nước Liêu, mặc dù chỉ bao gồm độ mười bộ tộc, dân số chỉ độ non một triệu nhưng cũng đã khiến cho người Trung Hoa điêu đứng. Cũng ở phía bắc, người Nữ Chân (tức Mãn Châu) tuy luôn luôn bất hòa với người Khiết Đan nhưng lại cũng đe dọa nước Tàu. Người Nữ Chân lại có trình độ kỹ thuật quân sự khá cao, biết sử dụng những loại chiến xa và súng bắn đá nên đã tiến đánh những thành thị của Tống triều ở miền bắc một cách dễ dàng.

Tới cuối thế kỷ thứ 12, khí hậu miền quan ngoại trở nên khắc nghiệt. Nhiều vùng bị hạn hán lâu năm khiến cho các thảo nguyên bị khô cháy, thiếu thực

phẩm cho những bầy gia súc. Để sinh tồn họ chỉ còn nước nhòm ngó cái kho thực phẩm ở phương nam và người khai thác được cơ hội là Thành Cát Tư Hãn (Chinggis hay Ghengis Khan 1162-1227) một nhân vật nổi danh trong lịch sử thế giới.

Thành Cát Tư Hãn là một con người khát máu, thích chém giết và chinh phục. Ông ta đã từng tuyên bố rằng “Nỗi vui sướng nhất của con người là đánh bại được kẻ thù, săn đuổi họ, cướp tài vật, chứng kiến thân nhân họ khóc than, cưỡi ngựa của họ và đoạt lấy vợ con họ làm tài sản của mình”[3]. Sau khi thống trị được nhiều bộ lạc gồm nhiều sắc dân khác nhau, Thành Cát Tư Hãn xây dựng một đội quân tinh nhuệ và trở thành một lãnh tụ. Năm 1206, các bộ tộc tôn ông ta lên làm Đại Hãn (Universal Ruler) nghĩa là chúa tể của các bộ lạc khác. Thành Cát Tư Hãn liền tổ chức lại lực lượng, thay vì để cho mỗi bộ lạc theo cơ chế riêng, ông tập trung lại thành một quân đội duy nhất theo hệ thống thập phân, cứ mỗi 1000 kỵ sĩ thành một đơn vị, người chỉ huy được cha truyền con nối và chỉ tuân hành quyền lực duy nhất của Đại Hãn mà thôi.

Ngoài việc khai thác được sở trường của mình là sự di động nhanh và kỹ thuật chiến đấu, Thành Cát Tư Hãn còn thiện nghệ trong việc điều quân, áp dụng được binh pháp một cách tài tình, kể cả ba mặt giáp công, trá bại, trá tẩu và biết liên minh đúng lúc với kẻ thù. Ông ta cũng biết sử dụng nội gián (espionage and intelligence) để thu lượm tin tức trước khi tấn công.

Thành Cát Tư Hãn cũng qui định lại pháp chế, chữ viết và tỏ ra là một người có tài tổ chức, lấy kỷ luật sắt và nghiêm hình để cai trị. Ông tự chỉ huy một đoàn thân binh chừng một vạn người là những binh lính có khả năng nhất tuyển chọn trong các bộ lạc.

Sau khi củng cố thực lực rồi, Thành Cát Tư Hãn sai người chiêu hàng các bộ lạc, ai thần phục thì được yên còn nếu chống lại sẽ bị tàn sát không thương

tiếp. Chỉ trong hai năm 1212-1213 có đến hơn chín mươi thành bị san thành bình địa. Khi họ chiếm kinh đô nước Kim của người Nữ Chân năm 1215, thành phố này bị đốt cháy đến hơn một tháng mới hết. Năm 1218, một đoàn thương nhân người Hồi được Thành Cát Tư Hãn bảo hộ bị cướp tại nước Khwarizm (Hoa Thích Tử Mô) dẫn đến việc quân Mông Cổ tiến vào Trung Đông rồi tràn qua tận Đông Âu. Trong ba năm nhiều triệu người bị tàn sát, kể cả đàn bà con trẻ, thậm chí cả súc vật cũng bị giết sạch. Chính chiến dịch này đã làm cho người Mông Cổ nổi tiếng về sự dã man và những nơi nào kháng cự lại họ sẽ bị tiêu diệt không thương tiếc. Hai người con trai thứ hai và thứ ba của Thành Cát Tư Hãn là Chagatai và Ogedei chỉ huy đoàn quân này và quân đội đem về những bao đầy tai người làm chứng tích chiến thắng. Sau khi hạ thành Nishapur, bao nhiêu cư dân đều bị giết sạch, đầu của họ được chất thành ba đống, đàn ông, đàn bà, trẻ con. Các sử gia đã tổng kết cuộc viễn chinh này là 700,000 trong thành Merv, 1,600,000 người tại Heart và 1,747,000 người tại Nishapur.[4]

Chỉ trong gần 20 năm cho tới khi Thành Cát Tư Hãn chết (1227), đế quốc Mông Cổ đã bành trướng gần khắp châu Á suốt từ Mãn Châu đến tận Trung Đông.

Khi Thành Cát Tư Hãn đột ngột từ trần, những người con ông ta tranh nhau ngôi vị nhưng sau cùng, người thứ ba là Oa Khoát Đài (Ogedei) đánh bại những người khác và trở thành Đại Hãn.

Oa Khoát Đài tiến đánh phần còn lại của nước Kim tràn xuống phương Nam cũng như bành trướng qua phía Tây, chiếm cả Moscow, Kiev và Đông Âu. Tuy người Mông Cổ lúc đó chỉ độ 1.5 triệu, họ trở thành sức mạnh vô địch vì biết sáp nhập những đạo quân của các bộ lạc hay dân tộc khác dưới quyền chỉ huy của họ. Họ khai thác được những ưu điểm của đối phương trong đó phải kể các chiến xa của người Nữ Chân và thủy quân của người Hán, sử

dụng những vũ khí mới thu được làm phương tiện tấn công. Trong những lần tiến đánh nước ta, người Mông Cổ đã dùng những chiến thuyền của nhà Tống.

Trong khi những cận thần muốn du mục hóa người Hán, biến miền Bắc nước Tàu thành đồng cỏ cho gia súc thì vị tể tướng của Oa Khoát Đài là Gia Luật Sở Tài (Yelu Qucai, gốc hoàng tộc Khiết Đan) đã khuyên ông ta theo đuổi một chính sách văn minh hơn. Đó là đánh thuế nông dân bằng vàng bạc, lụa là, thóc lúa. Những sắc dân du mục theo đạo Hồi ở vùng Trung Á được giao nhiệm vụ thu thuế và chính vì thế họ bị cả người Hoa lẫn người Mông Cổ ghét bỏ.

Tuy nhiên phải đến khi cháu nội của Thành Cát Tư Hãn là Hốt Tất Liệt (Khubilai) lên ngôi thì đế quốc Nguyên Mông mới phát triển đến cực điểm. Hốt Tất Liệt thiên đô từ Karakorum ở Mông Cổ về Bắc Kinh, khi đó có tên là Đại Đô và đến năm 1271, ông ta đổi quốc hiệu là Nguyên, tổ chức triều đình theo nghi thức nhà Tống.

Trước đây, sông lạch miền Nam Trung Hoa vẫn là những chiến lũy thiên nhiên ngăn chặn bước chân của đoàn kỵ binh Mông Cổ nhưng sau khi chiếm được miền Bắc, họ đã đề tâm xây dựng một đội chiến thuyền. Năm 1268 họ vây hãm thành Tương Dương (Xiangyang), một thành phố ở Hồ Bắc, cửa ngõ huyết mạch xuống miền hạ lưu sông Dương Tử. Cuộc công hãm kéo dài đến năm năm, sử dụng hàng ngàn thuyền bè và hàng vạn binh sĩ. Các chuyên viên hải quân người Hán, Triều Tiên, Nữ Chân, Hồi Hột và Ba Tư được điều động vào việc chế tạo các loại chiến thuyền. Kỹ sư người Muslim chế tạo những súng bắn đá có thể ném những tảng đá nặng hàng trăm pounds. Hai bên đều phải dựa vào thuyền bè để chuyên chở quân nhu, thực phẩm và tiếp liệu.

Về phía nhà Tống, vấn đề chỉ huy tương đối lỏng lẻo. Nhà vua lúc đó còn

nhỏ tuổi và các đại thần mỗi người một ý, không thống nhất. Sau khi quân Mông Cổ vượt qua được Trường giang, bà Thái Hậu xuống chiếu Cần vương và khắp nơi nhân dân nổi lên hưởng ứng. Thế nhưng người Mông Cổ lại sử dụng chiến thuật tàn sát thị uy giết sạch những thị trấn nào chống trả lại họ nên sau cùng triều đình phải đầu hàng để tránh đổ máu[5]. Những tôn thất nhà Tống chạy về vùng duyên hải cố gắng chống trả thêm được ba năm nhưng tới năm 1279 thì bị hoàn toàn tiêu diệt.

Tới thời kỳ này, tuy người Mông Cổ cai trị một khu vực rất rộng lớn nhưng họ không còn thống nhất là một đế quốc mà đã chia thành nhiều khu vực dưới quyền của những hoàng thân quốc thích mỗi khu vực chịu ảnh hưởng của văn hóa vùng bị cai trị và họ thường đánh lẫn nhau. Ở phía tây, họ hội nhập với văn minh Hồi giáo (Islam) của người Thổ (Turkish) hay Thiên chúa giáo (Christianity) trong khi đế quốc phía đông thì những nền văn minh bản xứ của Khổng, Phật, Lão ... có ưu thế.

Mặc dầu người Mông Cổ không muốn bị đồng hóa vào văn minh Hán tộc và đưa ra nhiều luật lệ khắt khe để trấn áp và phân chia giữa người thống trị và kẻ bị trị, họ vẫn tiêm nhiễm nếp sống có văn hóa và văn minh của người Trung Hoa. Nhiều định chế cai trị và sinh hoạt của Trung Hoa được bắt chước kể cả hệ thống thi cử, điển chế mặc dầu vẫn ưu đãi người Mông Cổ và rất khắt khe với người bản xứ.

Về chính sách, người Mông Cổ phân chia dân chúng ra thành mười giai cấp với bốn thứ bậc chính. Người Mông Cổ có vị trí cao nhất, kế đến là các dân tộc ở ngoài đất Trung Hoa, chủ yếu là các vùng quan ngoại phía bắc được gọi là sắc mục như Hồi (Uighurs), Thổ (Turks), Tạng (Tibetans), Tây Hạ (Tanguts), Ba Tư (Persians) ..., dưới nữa là Hán Nhân là những người cũng mới bị chinh phục nhưng ở phương bắc nước Tàu như Khiết Đan (Khitans) hay Nữ Chân (Jurchens). Hạng thấp nhất là khu vực người Hán chính gốc

của nhà Nam Tống được gọi là Nam Nhân[6]. Các giai cấp này bị đối xử phân biệt, thuế má và luật lệ thi hành cũng khác, Nam nhân hầu như rất ít được bổ nhiệm vào những chức vụ hành chánh. Họ cũng bị cấm đoán nhiều thứ và nếu phạm tội thì sẽ bị những hình phạt rất khắc khe. Người Hán không được quyền lấy người Mông Cổ làm vợ nhưng người Mông Cổ thì có quyền nạp thiếp người Hán. Thành thử, người Hán càng căm thù bọn dị tộc kém văn minh, dã man, ăn uống nhồm nhoàm, người hôi hám dơ bẩn đang cai trị trên đầu trên cổ họ[7]. Trong một cuộc chiến mà kẻ thắng trận có trình độ kém cỏi hơn kẻ bại trận, hiện tượng nghịch hành cũng là chuyện bình thường.

TÌNH THẾ CUỐI TRIỀU NGUYÊN

Một trong những đặc tính của triều Nguyên là tuy họ cai trị rất tàn ác nhưng lại rất cởi mở và bao dung trong việc đối xử với các tôn giáo. Trong khi ở Âu Châu có những cuộc thánh chiến rồi tiếp theo là thanh trừng dị giáo (inquisition), chém giết người khác đạo rất đẫm máu thì triều đại của người Mông Cổ lại ưu đãi mọi hàng giáo phẩm từ các đạo sĩ tới sư sãi, Lạt Ma, và cả những người Thiên Chúa giáo mới truyền qua. Các tu sĩ được miễn sai dịch (corvee) và có nhiều đặc quyền. Tuy nhà Nguyên có đôi khi liên minh với một tôn giáo này để tiến đánh một tôn giáo khác nhưng vì lý do quân sự và bành trướng hơn là sự bất đồng về tín ngưỡng[8].

Triều Nguyên cũng tin dùng người ngoại quốc hơn người Hán và phân lớn các chức vụ hành chánh quan trọng ở trong tay người Mông Cổ và những sắc dân miền Tây Vực. Trong triều có cả những người Âu Châu làm quan, và Marco Polo một người Ý đã ở trong triều của Hốt Tất Liệt 17 năm. Cuốn ký sự Những chuyến du hành của Marco Polo (The Travels of Marco Polo) xuất bản tại Nuremberg năm 1477 đã mang tiếng vang rất lớn tại Âu Châu

về sự huy hoàng của miền Đông Á.

Về tôn giáo, nhà vua đã chuyển hướng từ sùng bái Thiên Tông Trung Hoa sang Mật Tông Tây Tạng vì Mật Tông có nhiều lễ nghi, cầu cúng và tăng lữ Tây Tạng cũng quen thuộc hơn với việc can dự vào triều chính. Hoàng hậu Chabi rất mộ đạo và đưa con đầu đã mang tên Tây Tạng là Dorji. Các Lạt ma Tây Tạng trở nên lộng quyền, khai quật cả các lăng tẩm tiền triều để tìm châu báu. Còn người Hồi Tây Vực (Muslim) thì lại càng tệ hại hơn, ngoài việc thu tóm hết tài nguyên và độc quyền nhiều ngành buôn bán, họ còn đóng vai trò thu thuế cho triều đình nên người Hán coi họ là những hung thần ác sát. Cuộc sống mỗi lúc một thêm áp bức nhất là những năm sau cùng của nhà Nguyên khi chi phí mỗi lúc một gia tăng, thuế má mỗi lúc một nặng, để có đủ tiền triều đình phải ra lệnh cho in thêm tiền giấy và vì thế nạn lạm phát càng cao. Những cuộc viễn chinh đánh Nhật Bản, Java, Đại Việt, Chiêm Thành càng làm cho quốc khố trống rỗng và chính đó là giai đoạn suy tàn của đế quốc Nguyên Mông.

Khi Hốt Tất Liệt (Kubilai) từ trần năm 1294, cháu nội ông ta Temur Oljeitu (Chân Kim Đặc Mục Nhĩ, 1265-1307) lên nối ngôi (Nguyên Thành Tông). Đến khi Oljeitu chết năm 1307, tình thế trở nên bất ổn. Trong 26 năm từ 1307 đến 1333 có đến bảy đời vua, luôn luôn có những tranh giành quyền lực, ám sát, tiêu diệt lẫn nhau giữa các phe phái. Đến khi Toghan Temur (Nguyên Huệ Tông Thỏa Hoan Đặc Mục Nhĩ) lên ngôi năm 1333, lúc ấy mới 13 tuổi thì quyền hành vào trong tay viên thái sư Ba Diên, một người đưa ra nhiều điều luật rất hà khắc để phân biệt Hán – Mông, chẳng hạn như cấm người Hán mang vũ khí và ra chỉ thị tiêu diệt năm họ lớn nhất của Hán tộc tính ra là đại đa số người Trung Hoa[9]. Huệ Tông làm vua cả thảy 33 năm nhưng không còn mạnh như những đời trước. Sau nhiều năm không chinh chiến, khả năng quân sự của họ suy giảm, lại thêm mất mùa dịch tễ tại

nhiều nơi khiến cho lòng người càng thêm oán giận. Theo sử sách, dân số Trung Hoa trước khi người Mông Cổ cai trị vào khoảng 100 triệu thì đến cuối đời Nguyên chỉ còn chừng 60 đến 80 triệu người[10]. Trong khi nhà vua chỉ ham mê tử sắc và tin dùng bọn Lạt Ma Tây Tạng, quyền hành dần dần lọt vào tay những tướng lãnh.

Để chống lại với những cuộc nổi dậy, nhà Nguyên cho phép những người có thế lực tại các địa phương được tổ chức quân đội riêng để bảo vệ cho mình. Theo những tài liệu mới đây, có đến hai mươi cuộc khởi nghĩa lớn trên toàn quốc. Tuy những đội quân địa phương này giúp triều đình trấn áp được những sứ quân cát cứ nhưng cũng khiến cho triều đình suy yếu đi nhiều và thế lực của những thân vương càng gia tăng. Trong vùng đất Hoài ở miền bắc Trung Hoa, Chaghan Temur, một địa chủ thuộc sắc tộc Hồi Uighur đã trở nên lẫy lừng vì có công đánh dẹp nhiều vụ nổi dậy và trở thành một thân vương quyền uy[11]. Năm 1362, Chaghan bị một hàng tướng mưu sát.[12]

NHỮNG CUỘC NỔI DẬY

Phương Quốc Trân:

Cuối đời Nguyên tình hình chính trị suy đồi, dân chúng bị áp bức lại thêm kinh tế thất bại, mất mùa đói kém liên miên nên đâu đâu cũng có những cuộc nổi dậy. Năm Chí Chính thứ ba (1343) Chu Quang Khanh ở Quảng Châu nổi lên. Năm Chí Chính thứ 8 (1348) Phương Quốc Trân ở Hào Châu (nay thuộc Lâm Hải, Triết Giang) làm loạn kết tụ những người cùng khổ ở ven biển đi ăn cướp các thuyền buôn. Quan hành tỉnh Triết Giang là Đóa Nhi Chỉ Ban đem quân đánh đuổi tuy lúc đầu có thắng thế nhưng sau lại thua luôn, từ đó Phương Quốc Trân làm chủ một giải dọc theo bờ biển. Đến năm 1451, triều đình sai Bột La Thiếp Mộc Nhi chinh phạt bị Phương Quốc Trân dùng hòa công khiến quân Mông Cổ bị chết đuối đến quá nửa, Bột La Thiếp Mộc Nhi

bị bắt sống. Các nơi khác cũng nổi lên theo khiến triều đình không sao dẹp hết được phải ra chiếu chiêu dụ. Anh em Phương Quốc Trân nghe lời ra hàng được phong làm Định Hải Úy. Họ Phương hàng rồi lại phản, cứ thế mấy lần, triều đình cũng không sao có thể trừ được. Thế lực của Phương Quốc Trân mỗi lúc một to, quan chức được phong cũng càng ngày càng lớn. Đến năm Chí Chính thứ 16 (1456) y lên đến chức Vạn Hộ Hầu, đến năm sau lên Giang Triết hành tỉnh tham tri chính sự. Tuy y nhận quan tước nhà Nguyên nhưng trên thực tế là một sứ quân lãnh chúa một vùng Khánh Nguyên, Ôn, Đài.

Hàn Sơn Đồng, Lưu Phúc Thông:

Đời Nguyên các tôn giáo được ưu đãi, các Lạt Ma Tây Vực càng được trọng vọng, dân loạn cung vi tại triều đình, ở trong dân chúng thành loạn Bạch Liên Giáo. Sở dĩ gọi là Bạch Liên giáo vì bắt nguồn từ Bạch Liên Xã trong Phật giáo, Tịnh Độ tông do cao tăng đời Tấn là Tuệ Viễn thành lập nhưng khi truyền trong dân gian trở thành một chi phái tôn giáo nhiều mê tín. Hàn Sơn Đồng người Vĩnh Bình vốn là giáo đồ Bạch Liên giáo chiêu tập dân chúng, năm Chí Chính nguyên niên (1440) tuyên ngôn khẩu hiệu “Phật Di Lặc xuống trần, Minh chúa ra đời[13]” không khác gì khẩu hiệu “Trời xanh đã chết, Trời vàng hiện ra[14]” của giặc Hoàng Cân đời Hán mạt. Hàn Sơn Đồng tự xưng là cháu tám đời vua Tống Huy Tông sau được thêm những nhóm khác của Lưu Phúc Thông, Đỗ Tuân Đạo, La Văn Tổ kết hợp.

Thời đó đúng vào lúc Giả Lỗ (Toghto) đang đắp đê chống lụt sông Hoàng Hà, Lưu Phúc Thông liền bí mật sai người tạc một pho tượng đá một mắt, chôn sẵn ở Hoàng Lăng Cương, rồi phao ngôn rằng: “Tượng đá một mắt đừng chê, Đào sông thiên hạ tứ bề nổi lên[15]”. Khi phu phen đào thấy tượng đá này lòng người trở nên dao động nên họ Lưu bèn giết trâu đen, ngựa trắng bí mật liên lạc với Hàn Sơn Đồng khởi sự.

Tuy nhiên việc bại lộ, Hàn Sơn Đồng bị huyện quan phát giác đem quân bắt được. Vợ Hàn là Dương thị cùng con là Hàn Lâm Nhi chạy thoát. Lưu Phúc Thông bèn tập hợp đồng đảng đánh vào Dĩnh Châu (nay thuộc An Huy) rồi chia binh ra đánh các nơi, thanh thế rất lớn, quân có đến hơn mười vạn người. Đỗ Tuân Đạo được phong làm mưu sĩ (1451). Quân của y đều chít khăn đỏ nên còn gọi là Hồng quân, hay Hương quân. Quân Nguyên ra sức đánh dẹp mà không xong. Nhân dịp Lưu Phúc Thông nổi lên, Lý Nhị ở Tiêu Huyện, Quách Tử Hưng ở Hào Châu cũng nổi lên theo. Quân Nguyên đem đại binh đến đánh bị thua to. Năm 1455, Lưu Phúc Thông tìm được con trai của Hàn Sơn Đồng là Hàn Lâm Nhi tôn lên làm hoàng đế, đặt đế hiệu là Tiểu Minh Vương, đóng đô ở Hào Châu quốc hiệu là Tống, là năm Long Phượng nguyên niên. Mẹ Dương thị được tôn làm Thái Hậu, Đỗ Tuân Đạo, Thịnh Văn Úc làm Thừa Tướng còn Lưu Phúc Thông và La Văn Tổ làm Bình Chương Chính Sự. Thế nhưng chẳng bao lâu vì thấy Đỗ Tuân Đạo chuyên quyền, Lưu Phúc Thông bèn giết đi tự mình làm Thừa Tướng.

Từ Thợ Huy và Trương Sĩ Thành:

Cùng thời gian Lưu Phúc Thông và Lý Nhị, Quách Tử Hưng nổi lên còn có Từ Thợ Huy. Từ Thợ Huy tên thực là Trình vốn làm nghề buôn vải, thường qua lại đất Kỳ Châu. Thời đó có Bành Oánh Ngọc, Nghê Văn Tuấn, Trâu Phổ Thắng thấy Thợ Huy tướng mạo khôi ngô, cho rằng có tướng phi thường nên suy tôn lên làm minh chủ, khởi binh chống lại Nguyên triều. Năm Chí Chính thứ 11 đời Nguyên Huệ Tông, Từ Thợ Huy xưng đế, quốc hiệu là Thiên Hoàn, phong Trâu Phổ Thắng làm Thái Sư. Từ Thợ Huy tuy chiếm được một khu vực rộng lớn nhưng không đủ tài để cai quản bộ thuộc thành thử đến năm Chí Chính 20 thì bị một bộ tướng là Trần Hữu Lượng giết chết.

Trương Sĩ Thành người đất Thái Châu, cùng hai em Sĩ Đức, Sĩ Tín làm nghề

buôn muối, tính tình hào sảng rộng rãi nên được nhiều người quý mến. Thời đó phu phen bị hà hiếp nhưng không có ai lãnh đạo, Sĩ Thành bèn kêu gọi đứng lên được mọi người bầu làm minh chủ chiếm lấy các thành Thái Châu, Hưng Hóa. Năm Chí Chính thứ 13 tự xưng là Thành Vương, đặt quốc hiệu Đại Chu, niên hiệu Thiên Hựu.

Thanh thế Trương Sĩ Thành càng lúc càng lớn, vua nhà Nguyên phải sai Thoát Thoát Thiếp Mộc Nhi đem đại quân đến đánh. Tuy nhiên khi Trương Sĩ Thành kiệt lực sắp đầu hàng thì Nguyên Huệ Tông nghe lời dèm pha phái Thoát Thoát đem quân xuống Vân Nam nên họ Trương mới thoát nạn. Tới thời kỳ đó, nhóm Hồng Cân của Lưu Phúc Thông đã hùng cứ chiếm đóng nhiều vùng rộng lớn ở miền Bắc, Trương Sĩ Thành bèn thừa thế quân Nguyên phải lo đánh nhau với những thế lực đó bèn xua quân tiến chiếm vùng Giang Nam. Chiếm được Giang Nam rồi, Trương Sĩ Thành trở nên sa đọa, ham mê tử sắc. Bộ tướng của Lưu Phúc Thông là Chu Nguyên Chương thấy họ Trương trải rộng bèn đem quân tấn công, bắt được em trai Trương Sĩ Thành là Trương Sĩ Đức. Năm 1357 (Chí Chính thứ 17) Trương Sĩ Thành ra hàng nhà Nguyên, đem quân tấn công giết được Lưu Phúc Thông, đuổi được Hàn Lâm Nhi.

Năm Chí Chính thứ 23 (1363), Trương Sĩ Thành đòi được phong làm Ngô Vương nhưng triều đình không thuận, y liền tự lập một cõi, phong cho em Sĩ Tín làm thừa tướng, tin dùng bọn văn nhân. Chu Nguyên Chương khi đó đã trừ được Trần Hữu Lượng rồi liền sai Từ Đạt, Thường Ngô Xuân đem hai mươi vạn quân tấn công, các tướng của Trương Sĩ Thành lần lượt đầu hàng Chu Nguyên Chương. Quân Minh vây đánh Bình Giang, dùng đại pháo bắn vào, Trương Sĩ Tín tử trận, Trương Sĩ Thành phải tự sát.

Trần Hữu Lượng:

Ngoài Chu Nguyên Chương, có lẽ Trần Hữu Lượng là người đáng được để ý

nhất. Trần Hữu Lượng có thể nói là nhân vật số hai trong tất cả những cuộc nổi dậy cuối đời Nguyên tranh giành ngôi vị bá chủ với Minh Thái Tổ. Một điểm đáng nói khác là theo Đại Việt sử ký bản kỷ thì Trần Hữu Lượng chính là con trai của Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc (con trai thứ năm vua Trần Thái Tông) sang hàng Nguyên nhưng không có gì làm chắc chắn nên Khâm Định Việt Sử đã bác bỏ chuyện này[16].

Theo sử Tàu, Trần Hữu Lượng là con một nhà thuyền chài, lúc nhỏ ham học nên khá giỏi văn chương, có hồi đã làm một chân nha lại trong huyện. Khi Từ Thợ Huy khởi binh, Lượng gia nhập binh đội của Nghê Văn Tuấn, lập được nhiều chiến công, lên đến lãnh binh Nguyên Soái. Lúc đó Nghê Văn Tuấn quyền hành khuynh loát cả Từ Thợ Huy có ý muốn giết chủ để tự mình lên làm vua. Thợ Huy phải chạy trốn vào trong quân của Trần Hữu Lượng, Hữu Lượng liền nhân cơ hội đó hộ giá đem quân tấn công Nghê Văn Tuấn cứu Từ Thợ Huy nên được thăng lên Bình Chương Chính Sự.

Về sau Trần Hữu Lượng đem quân phá được An Khánh, rồi qua sông chiếm luôn Long Hưng, Thụy Châu, Cát An, Thiệu Võ trở thành thế lực mạnh nhất vùng nam sông Dương Tử. Khi đó lãnh địa của Trần Hữu Lượng đã sát với khu vực của Chu Nguyên Chương nên đang lúc y phải phòng ngự quân Nguyên, Chu Nguyên Chương liền sai Thường Ngô Xuân tấn công lấy mất đất Tri Châu, hai bên trở thành thế nước lửa. Từ khi thanh thế trở nên hùng lẫm, Trần Hữu Lượng có ý muốn trừ khử Từ Thợ Huy để tự mình lên làm vua. Năm Chí Chính thứ 20, Trần Hữu Lượng giết Từ Thợ Huy lên ngôi hoàng đế đổi quốc hiệu là Hán, cải niên hiệu thành Đại Nghĩa nguyên niên. Tuy nhiên các bộ hạ của Từ Thợ Huy không phục nên đều bỏ đi cả thành thử Trần Hữu Lượng bị Chu Nguyên Chương đánh thua mấy trận liền. Năm Đại Nghĩa thứ tư (1363), hai bên đại chiến tại hồ Bà Dương, Trần Hữu Lượng thua to bị trúng tên chết trên sông Cửu Giang, con là Trần Lý kế vị năm sau

thì về hàng Chu Nguyên Chương.

Chu Nguyên Chương:

Nhân vật đã thu hoạch được thắng lợi sau cùng để lập nên một triều đại mới là Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương tuổi trẻ nghèo khổ, học hành rất ít nhưng là con người tính toán, nhìn xa trông rộng. Cha mẹ mất sớm, Chu phải vào chùa cạo đầu làm sư sống qua ngày. Cứ theo dã sử, ông là người xấu xí, mặt lưỡi cày, đầy nốt ruồi. Tuy nhiên theo dung mạo mà họa gia trong triều vẽ thì cũng rất oai nghi, có lẽ khi lên ngôi ăn uống đầy đủ, đầy đủ uy quyền tướng mạo cũng vì thế mà biến đổi. Chu Nguyên Chương nhìn thấy thế cục khó lòng có thể khởi binh ở miền Bắc nên tìm đường gậy thanh thế ở miền Nam sông Dương Tử. Về sau được Liêu Vĩnh Trung và Du Thông Hải ở Sào Hồ giúp đỡ nên tìm được đường xuôi nam. Chu Nguyên Chương chiếm được mấy thành nghiêm cấm sĩ tốt không được cướp bóc như những nhóm khác nên đi đến đâu cũng được dân chúng đón rước rất là nồng hậu. Năm Chí Chính thứ 16 (1356), Chu Nguyên Chương chiếm Kim Lăng, đổi thành phủ Ứng Thiên bề ngoài thần phục Lưu Phúc Thông và Hàn Lâm Nhi, coi mình là thần tử nhà Tống nên được phong là Ngô Quốc Công. Kể từ đây, Chu Nguyên Chương có hai bộ mặt, bên ngoài coi như là một bộ tướng của Hoàng Đế nhà Tống (Hàn Lâm Nhi) nhưng thực tế họ Chu có toàn quyền hành động như một sứ quân. Về sau Chu Nguyên Chương sai Từ Đạt, Đặng Dũ, Thường Ngô Xuân các tướng đem quân chiếm các nơi, mở rộng địa bàn hoạt động. Khi đó, các nơi chung quanh Chu Nguyên Chương có Trần Hữu Lượng xưng Hán Đế ở đất Giang Sở, Trương Sĩ Thành xưng Chu Đế ở Đông Ngô, Minh Ngọc Trân xưng Hạ Đế ở Ba Thục ba mặt nhòm vào, tình thế thật là nguy hiểm. Tuy nhiên dưới trướng họ Chu có những mưu sĩ giỏi như Lý Thiện Lương, Lưu Cơ, Tống Liêm, bên ngoài lại có những tướng tài như Từ Đạt, Thường Ngô Xuân, Đặng Dũ ... nên dần dần bình định

được những sứ quân chung quanh. Đến thời kỳ này, Chu Nguyên Chương tự cảm thấy mình đã đủ sức thống nhất Trung Hoa nên sai người lật thuyền giết chết Hàn Lâm Nhi (con của Hàn Sơn Đồng, vua nhà Tống) vào tháng giêng năm 1366 và sau đó không còn nhân danh triều đình bù nhìn này để ra lệnh nữa[17]. Trần Hữu Lượng bị diệt từ năm 1364, kế đến là Trương Sĩ Thành bị giết năm 1367, và Phương Quốc Trân đầu hàng cuối năm đó. Sau khi đã dẹp được những đối thủ đáng ngại nhất, Chu Nguyên Chương mở những chiến dịch lớn để tấn công lên miền bắc và đồng thời bình định nốt những nơi lẻ tẻ ở miền nam.

Năm Chí Chính thứ 27 (1367), Chu Nguyên Chương phong Từ Đạt làm Chinh Lỗ đại tướng quân, Thường Ngộ Xuân làm phó tướng đem hai mươi nhăm vạn quân tiến lên đánh vào kinh đô nhà Nguyên, lại phái một bộ phận khác tiêu diệt đám tàn quân của Phương Quốc Trân và những dư đảng của các nhóm khác còn sót tại Vân Nam, Hồ Quảng. Chủ trương của Chu Nguyên Chương là lấy Sơn Đông trước để ngăn chặn đường tiến của quân Mông Cổ, đồng thời chiếm lấy Hà Nam để chặn tiếp viện rồi sau lấy Đồng Quan ba mặt cùng tiến về Đại Đô.

Ngày 23 tháng giêng năm 1368, Chu Nguyên Chương lên ngôi Hoàng Đế đặt quốc hiệu là Minh, niên hiệu Hồng Vũ. Những ai không tán thành việc lên ngôi của ông ta về sau đều bị giết cả. Về việc đặt quốc hiệu là Minh, nhiều sử gia đã cho rằng họ Chu muốn khẳng định sự hiện diện của Minh Giáo trong quá trình nổi dậy nhưng cho tới nay cũng vẫn chỉ là một giả thuyết. Tôn giáo, kể cả các nhóm Di Lạc Tông, Bạch Liên Giáo, Minh Giáo có thể có ít nhiều đứng sau lưng những vụ khởi nghĩa nhưng không phải là một lực lượng duy nhất. Kim Dung có lẽ đã mượn lý luận này của Ngô Hàm (Wu Han)[18], một sử gia nổi tiếng của Hoa Lục khi bắt đầu viết bộ Ý Thiên Đồ Long Ký năm 1961.

Đến tháng 10 năm 1368, vua nhà Nguyên cùng quần thần bỏ chạy ra mạc bắc và Chu Nguyên Chương tiến quân vào kinh đô. Từ một người cùng đinh nghèo khổ có lúc phải làm “sãi chùa quét lá đa”, ông đã lên ngôi một cách vẻ vang ở tuổi 40 và lần đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa, một đoàn quân do một lãnh tụ từ miền nam sông Dương Tử đã tiến lên đuổi được người Mông Cổ ra ngoài biên ải. Ở vào thời buổi này chúng ta không thấy được sự huy hoàng đó nhưng nếu nhớ lại rằng miền Bắc đó đã nằm trong tay người Thát Đát 432 năm qua các triều đại Liêu, Kim, Nguyên thì mới thấy rằng đó là một thắng lợi rất to lớn của giống dân nông nghiệp đối với giống dân du mục, phá tan cái huyền thoại sức mạnh của những kỵ sĩ từ sa mạc. Trong những năm kế tiếp, một mặt Chu Nguyên Chương tiêu diệt tất cả những mầm nội loạn có thể có, mặt khác đưa ra một chính sách đồng hóa qui mô, tiêu diệt bằng võ lực, cai trị bằng nghiêm luật và loại trừ những tổ chức tôn giáo trong đó kể cả những tổ chức trước đây đã ủng hộ ông ta.

Ý THIÊN ĐỒ LONG KÝ, TIỂU THUYẾT VÀ LỊCH SỬ

Nhiều người đọc xong bộ Ý Thiên Đồ Long Ký đã chắc lưỡi than thầm Trương Vô Kỵ đã để cho Chu Nguyên Chương lừa một cách dễ dàng, và xem ra công cuộc đấu tranh lật đổ triều Nguyên cũng không có gì khó khăn lắm. Thực tế, ngay từ năm 1340 thì đã bắt đầu có những cuộc nổi dậy và riêng Chu Nguyên Chương, ông ta phải chiến đấu liên tục gần hai mươi năm mới thành công trong việc đuổi được người Mông Cổ ra khỏi Trung Hoa. Thắng lợi của Chu Nguyên Chương có những yếu tố khách quan không thể phủ nhận được và phải nói rằng họ Chu là người có chí khí hơn tất cả những sứ quân khác. Trong khi hầu như tất cả mọi người một khi có chút thành tựu đều xưng đế, xưng vương, Chu Nguyên Chương đã nghe theo lời khuyên của Chu Thăng để áp dụng ba điều:

- Thứ nhất là xây dựng một căn cứ địa thật vững chắc (cao trúc tường) là Kim Lăng, một nơi hiểm yếu, ngoài đánh vào thì khó, trong đánh ra thì dễ để làm nơi đóng đô.

- Thứ hai là tích trữ lương thảo (quảng tích lương), khai khẩn đất đai khuyến khích canh nông để làm kế lâu dài. Trong khi những người khác chủ trương đánh cướp các nhà giàu để lấy tiền của nuôi quân, Chu Nguyên Chương dùng kế tổ chức quần chúng, phát triển lực lượng làm kế sâu rầy bèn gốc.

- Thứ ba là đừng vội vàng xưng vương (hoãn xưng vương) nghĩa là không tạo cho mình thành một cái gai trong mắt người Mông Cổ cũng như sự đổ kỵ với các nhóm khác. Trong khi ta thấy Lưu Phúc Thông lập Hàn Lâm Nhi lên làm vua (dù danh nghĩa kế thừa Tống triều), Từ Thợ Huy lập triều đại Thiên Hoàn, Trần Hữu Lượng lập nên nhà Hán, Minh Ngọc Trân lập nên nhà Hạ ... thì Chu Thằng khuyên Chu Nguyên Chương tiếp tục danh nghĩa thần tử nhà Tống, dùng niên hiệu Long Phượng để mang chính nghĩa về cho mình.

Như thế ta thấy Chu Nguyên Chương là người biết ẩn nhẫn, có chí lớn đã đành mà cũng nhìn xa trông rộng khác hẳn với đám thảo khấu khác tự mãn với nhất khoảnh giang sơn có được trong tay để rồi đi vào chỗ kiêu căng, xa xỉ và khinh địch.

Một nhân vật thứ hai chúng ta cũng phải để ý đến là cha của Quận Chúa Triệu Mẫn, người con gái Mông Cổ xinh đẹp lắm mưu nhiều kế sau trở thành vợ cả (?) của Trương Vô Kỵ: Nhữ Dương Vương Sát Hãn Đặc Mục Nhĩ. Đặc Mục Nhĩ là phiên âm của chữ Temur, vốn là một họ gốc Hồi (Uighur) ở mạn Bắc Tân Cương. Chaghan Temur tự là Diên Thụ còn được gọi dưới tên Sát Hãn Thiếp Mộc Nhi, ông tăng tổ theo quân Mông Cổ đến vùng Hà Nam, sống tại vùng Trâm Khâu, cha là Lương Vương A Lỗ Đài. Năm Chí Chính thứ 12 (1352) đem quân đánh với giặc Hồng Cân được phong làm Đạt Lỗ Hoa Xích phủ Nhữ Ninh (tuần phủ) trấn áp đầm máu

những cuộc nổi dậy ở Hà Nam, Thiểm Tây, Sơn Tây. Năm Chí Chính 19 (1359), Chaghan đem quân vây Biện Lương đuổi được Hàn Lâm Nhi, Lưu Phúc Thông phải bỏ chạy ra An Phong. Năm 1361, Chaghan đem quân tấn công Sơn Đông, chiêu hàng được bọn Điền Phong Vương Sĩ Thành rồi công hãm Quan Châu, Đông Xương, Đông Bình, Tế Ninh, Tế Nam, được thăng lên Trung Thư Bình Chương Chính Sự. Năm 1362, ông ta bị bọn hàng tướng Điền Phong Vương Sĩ Thành giết chết. Quyền bính giao lại cho đứa con nuôi (vốn là cháu gọi bằng cậu) là Koko Temur (Khố Khố Đặc Mục Nhĩ)[19]

Người thứ hai trong gia đình quý tộc này là Koko Temur mà Nguyên Sử dịch ra là Khoáng Khuếch Thiếp Mộc Nhi, Hán danh Vương Bảo Bảo, tức anh trai của Triệu Mẫn trong bộ Ý Thiên Đồ Long Ký. Như trên đã nói, theo chính sử, người này là cháu gọi Nhữ Dương Vương bằng cậu, cũng là một nhân vật rất đặc biệt. Sách chép rằng y được Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương coi là đệ nhất kỳ nhân mà một trong ba mối hận trong đời ông ta là không bắt được Vương Bảo Bảo. Trong công cuộc đánh dẹp những vụ nổi dậy, Vương Bảo Bảo lập được rất nhiều công lao, lấy lòng còn hơn cả Sát Hãn. Tuy nhiên đến cuối đời Nguyên vì những tranh chấp quyền bính trong triều đình, chính người Mông Cổ tự làm cho họ suy yếu vì các thân vương đánh giết lẫn nhau. Vương Bảo Bảo một mình lo đánh đông dẹp bắc, tiêu diệt rất nhiều nhân vật quan trọng của nghĩa quân được thăng lên đến Hà Nam Vương, thống lĩnh toàn bộ binh quyền nhưng vì bị một số bộ tướng làm phản nên quân Nguyên thua to, Vương Bảo Bảo phải dẫn mười tám kỵ binh thân tín chạy về mạt bắc[20]. Cái tên Vương Bảo Bảo không những đi vào lịch sử mà còn được truyền tụng dân gian như một kỳ nhân[21] và về sau khi người Mông Cổ bị đuổi ra khỏi đất Trung Hoa rồi, y vẫn còn là một mối đe dọa mãi chưa dứt. Chu Nguyên Chương đã nhiều lần dụ hàng nhưng

Vương Bảo Bảo không chịu, còn giết sứ giả. Theo Minh Thực Lục, Chu Nguyên Chương đã bảy lần viết thư rất thống thiết, hai lần sai người tâm phúc của Vương Bảo Bảo đi về hàng sang chiêu dụ nhưng không thành công. Vương Bảo Bảo chết năm 1375.

Thế còn Triệu Mẫn, nàng quận chúa Mông Cổ vừa xinh đẹp, vừa khôn ngoan, chỉ huy một tập thể cao thủ đông đảo, em gái của Vương Bảo Bảo, nhân vật có thể nói là vai chính thứ nhì trong Ý Thiên Đồ Long Ký là ai? Theo sử sách, Khoáng Khuếch Thiếp Mộc Nhi có hai người em, em trai là Thoát Nhân Thiếp Mộc Nhi, em gái là Vương Thị. Thoát Nhân theo anh đánh trận còn cô em gái thì tuổi còn nhỏ, sống quanh quẩn trong vùng Trảm Khâu, Hà Nam hoặc với ông nội là A Lỗ Đài ở Biện Lương. Sau khi quân Minh chiếm được Hà Nam rồi, cô ta sống bình thường như một người dân. Chính vì thái độ kiêu hùng của Khoáng Khuếch, Minh Thái Tổ cũng kính trọng lây thân quyến nên định cưới Vương Thị cho con trai thứ hai của ông ta là Tần Vương Chu Sảng. Tuy nhiên cô em gái của Khoáng Khuếch cũng quật cường, lấy cớ là còn đang để tang cha nên cự tuyệt lời cầu hôn, sau Minh Thái Tổ phải nhờ Lễ Bộ Thượng Thư Đào Khải đứng ra chủ hôn, chính thức lập Vương Thị làm Tần Vương Vương Phi. Thời kỳ đó chính là giai đoạn mà Khoáng Khuếch đã đại bại binh lực tan tác và Chu Nguyên Chương muốn tỏ một cử chỉ hòa hiếu để dụ hàng nhưng đã không thành công. Khi Chu Sảng từ trần, Vương Thị tuân tiết chết theo chồng. Sau khi anh chết rồi, em trai Vương Bảo Bảo là Thoát Nhân vẫn tiếp tục theo phò Nguyên chúa, đánh nhau với quân Minh chẳng may bị bắt rồi bị giết.

TỔNG KẾT

Xét những cuộc nổi dậy trong những năm cuối triều Nguyên chúng ta thấy tuần tự có ba xu hướng chính:

- Đầu tiên là những anh hùng thảo khấu từ các bang hội bí mật, các nhóm lục lâm nổi lên, vừa có tính chất thảo dã, vừa có tính cách anh hùng kiểu Lương Sơn Bạc muốn cát cứ một phương. Đại diện cho thành phần này là Phương Quốc Trân vốn dĩ là một tay buôn muối lậu và là giặc bể. Tuy cũng thành công trong một số mặt nào đó, họ vẫn không thoát được tính chất giặc cỏ dễ rồi đi đến chỗ thiếu kỷ luật tàn sát lẫn nhau nên bị quân Nguyên tiêu diệt.

- Kế đó là những tổ chức tôn giáo phát nguồn từ một số chi lưu của Phật giáo như Bạch Liên giáo, và nhất là nhóm chít khăn đỏ (Hồng Cân). Cứ theo sử sách thời kỳ đó nhiều tôn giáo cùng hiện diện trên đất Trung Hoa và ảnh hưởng của những tôn giáo từ Trung Đông rất đáng kể. Chính sự pha trộn nhiều màu sắc khác nhau, ta thấy cùng một lúc có mặt cả Hồi giáo, Thiên chúa giáo, Bái hỏa giáo (tức Minh giáo), Phật giáo Mật tông, Lạt ma giáo... và tín ngưỡng bản xứ như Lão giáo, Không giáo hoạt động cùng một lúc trên đất Trung Hoa. Trong thực hành, những tôn giáo này đều ít nhiều có tính mê hoặc và một số thủ lãnh cũng biết khai thác mặt tích cực của tôn giáo đối với quần chúng bằng cách tung ra những sấm vĩ, tiên tri, tự cho mình là đại diện thần linh để dễ bề chiêu dụ bách tính.

Mặc dù đã có lúc những thế lực tôn giáo trở nên mãnh liệt nhưng chung qui vẫn chỉ thành những sứ quân, một mặt chống lại nhà Nguyên nhưng mặt khác vẫn tìm cách tiêu diệt lẫn nhau.

- Sau cùng chỉ có Chu Nguyên Chương là người có đầu óc hơn cả, nhìn được thế cục một cách rõ ràng, biết liên minh và khai thác thời cơ đúng lúc nên đã là người đạt được thắng lợi. Lúc đầu họ Chu đã dựa vào thế của Hàn Lâm Nhi ở mạn bắc làm phiên dậu cho mình khỏi bị quân Nguyên trực tiếp tấn công, dồn hết nỗ lực để tiêu diệt những thành phần yếu hơn ở miền nam sông Dương Tử. Chu Nguyên Chương diệt được Trần Hữu Lượng rồi bình Trương Sĩ Thành, hàng phục Phương Quốc Trân trở thành chủ nhân ông một

nửa Trung Hoa màu mỡ.

Tới khi đã chắc chắn có được ưu đãi thiên thời địa lợi rồi, họ Chu liền tiêu diệt nốt kẻ đồng minh sau cùng là Hàn Lâm Nhi, đồng thời tiến hành một phương sách đoạn tuyệt với những thế lực mà ông ta cho rằng mê tín dị đoan, có thể trở thành những mầm họa sau này. Những tôn giáo trước đây tưởng rằng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong triều đại mới cũng đều lần lượt bị tiêu diệt trong đó có cả Phật giáo là nơi ông ta xuất thân. Đúng trên nhãn quan phân tích lịch sử đó, chúng ta không còn thấy Chu Nguyên Chương là một kẻ đáng ghét như đã bị bẻ quặt qua ngòi bút của Kim Dung. Khi nghiên cứu về thời đại này, các sử gia Âu Mỹ phân tích những nguyên nhân gần và xa bao gồm các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa đã đưa đến những cuộc nổi dậy thì những sử gia Trung Hoa lại chú trọng nhiều đến chi tiết cá nhân, coi mỗi người là một biến cố riêng biệt. Riêng tại lục địa, dưới nhãn quan duy vật biện chứng và giai cấp đấu tranh, các sử gia Trung Cộng lại nhấn mạnh đến tính chất quần chúng, gán cho những vụ nổi dậy chiêu bài nông dân khởi nghĩa và cố làm nổi bật một số nhân vật mà họ coi là tiêu biểu. Bành Oánh Ngọc (tức Bành hòa thượng) được miêu tả như một nhân vật chuyên đi tìm chân chúa để thúc giục nổi dậy, từ việc ủng hộ Chu Tử Vượng lập nên Di Lạc Giáo đến việc vận động giúp Từ Thọ Huy, sử dụng tôn giáo pha lẫn thần quyền để kích động quần chúng. Tuy nhiên họ cũng không thể nào phủ nhận được sự đóng góp to lớn của thành phần trí thức, điển hình là Lưu Cơ (Bá Ôn), Chu Thăng và chính nhờ những người đọc sách này mà Chu Nguyên Chương đã thành công.

Về cá nhân Chu Nguyên Chương ông ta là người rất biết đại thể nên đã xây dựng những mẫu mực thật căn bản. Trong khi những người khác lo củng cố đế vị, Chu Nguyên Chương lại để tâm vào việc xây dựng một bộ máy hành chánh, thiết lập qui mô luật lệ cho có lớp lang ngõ hầu tạo cho mình một tổ

chức có thực lực để về sau không rơi vào vết xe đổ của Tống triều đã đành mà còn thực hiện những gì mà đế quốc Nguyên Mông chưa hoàn tất. Phải nói rằng đúng như những chính trị gia đã nhận định, một người lãnh tụ phải biết được chữ “nhẫn”, vừa có nghĩa đen là nhẫn nại, nhẫn nhục mà còn cả nghĩa bóng là tàn nhẫn mới có thể đi đến thành công. Họ Chu quả đã có cả hai đặc tính đó.

Ba mươi năm sau khi Chu Nguyên Chương lên ngôi, con trai thứ của ông ta là Chu Lệ, tức vua Thành Tổ (Vĩnh Lạc) nhà Minh đã sai Trương Phụ đem quân sang chiếm nước ta. Chính sách cai trị hà khắc của người Tàu đã châm ngòi cho những cuộc nổi dậy tuy nhỏ hơn nhưng cũng đã phần nào lập lại những gì đã xảy ra ở Trung Hoa một nửa thế kỷ trước.

Không biết Lê Lợi có nghiên cứu về sử Tàu không nhưng những gì ông ta làm không khác Chu Nguyên Chương bao nhiêu, từ việc lập Trần Cảo lên làm vua để mượn danh nghĩa nhà Trần đến việc giết hại công thần khi đã lên ngôi. Phải chăng nước Nam ta là một cái bóng phản ánh những gì thay đổi tại Trung Hoa trong một qui mô mới ở một thời điểm khác?

4/01

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brosse, Jacques: 100,000 years of daily life, A Visual History, Golden Press NY 1961
- Clayre, Alasdair: The Heart of The Dragon, Dragonbook ApS 1984
- Dardess, John W.: The Transformations of Messianic Revolt and the Founding of the Ming Dynasty, The Journal of Asian Studies V. XXIX, No. 3, May 1970
- Diệp Lão Sư: Trung Quốc Lịch Sử, Bảo Thành văn hóa, Đài Bắc 1986
- Ebrey, Patricia Buckley: Cambridge Illustrated History: China, Cambridge University Press 1996

- Gernet, Jacques: A History of Chinese Civilization (Le Monde Chinois, Paris 1972 translated by J. R. Foster), Cambridge University Press, New York 1986
- Grousset, Rene: The Rise and Splendour of the Chinese Empire, Barnes & Noble Book, Inc. 1992
- Khuru Thụ Lâm: Trung Quốc Lịch Sử Cổ Sự (Nguyên triều), Thiếu Niên Nhi Đồng xb xã, Bắc Kinh 1986
- Lê Kiệt: Minh Sử, Hải Kiều, Hong Kong 1962
- Lê Đông Phương: Tể Thuyết Minh Triều, Văn Tinh tùng san 1966 (A Detailed History of Ming by Orient Lee, Book World Co. Ltd.)
- Lê Đông Phương: Tể Thuyết Nguyên Triều, Truyện Ký văn học xã, Đài Bắc 1976
- Louise Levathes: When China Ruled the Seas, Simon & Schuster, New York 1994
- Ngô Tất Tố: Việt Nam Văn học: Văn Học Đời Trần, Khai Trí 1960 (Đại Nam in lại, California USA)
- Phan Khoang: Trung Quốc Sử Cương, Đại Nam, Calif. tái bản (không đề năm)
- Rathbun, Hope W.: Echoes of Chinese History, Charles E. Tuttle Co. Japan 1967
- Time-Life Books, The Mongol Conquests, Time Frame AD 1200-1300 1989
- Trần Trí Bình: Trung Hoa Thông Sử (V. 8: Nguyên Sử), Lê Minh văn hóa sự nghiệp công ty, Đài Bắc 1978
- Trương Tác Hiệu (chủ biên): Trung Quốc Lịch Sử Từ Điển, Văn Hóa Nghệ Thuật, Bắc Kinh 1991

[1] “History in China is like an old man’s memory. The distant past is often more vivid than the present, and its stories are polished, exaggerated and distorted by many tellings.” Clayre, Alasdair: *The Heart of The Dragon*, Dragonbook ApS 1984 p. 32

[2] Giống ngựa sa mạc tuy không hùng tráng như giống ngựa Ả Rập nhưng lại thích hợp cho chiến đấu. Ở vùng Ferghana tại Tân Cương (Turkestan) có một giống ngựa chạy rất nhanh, bờm dài đuôi rậm. Giống ngựa này sống trên núi rất khó bắt, có đặc tính là khi chạy nhanh toát mồ hôi thì cổ ngựa nhều ra những giọt máu, trong bộ Anh Hùng Xạ Điêu có nhắc đến gọi là Hãn huyết bảo châu. Thần tích ly kỳ về giống ngựa này vẫn được truyền tụng, coi như một loại thần mã hiện ra từ sông hồ. Người Mông Cổ thường dẫn ngựa cái tới thả những nơi có loài này xuất hiện trong những đêm trăng để gây giống. Tới gần đây những khoa học gia đã tìm ra nguyên nhân của việc xuất hãn huyết này. Nguyên là có một loài ký sinh trùng (con ghẻ) sống bám dưới làn da và trong bờm ngựa tiết ra một loại độc tố làm mỏng những thành huyết quản. Khi ngựa chạy nhanh, nhiệt độ trong cơ thể dâng cao khiến cho những mạch máu nhỏ bị vỡ. Tuy nhiên việc đổ máu không làm cho ngựa bị thương tổn bao nhiêu, ngược lại còn cho giống bảo mã này một thần kỳ. (Hope W. Rathbun: *Echoes of Chinese History, Magic Horses of Ferghana*, Charles E. Tuttle Co. Japan 1967, p. 32)

[3] Time & Life Books: *What Life Was Like in the Land of the Dragon* (Imperial China 960-1368) 1998 tr. 112

[4] Time-Life Books, *The Mongol Conquests*, Time Frame AD (1200-1300) 1989 tr. 20

[5] Khi tấn công vào Chương Châu, quân Mông Cổ giết đến mấy trăm ngàn người trong thành, chỉ còn sống sót khoảng 400. Xác người chất lên cao đến 40 feet trong khoảng đất một mẫu tây (Time & Life Books: *What Life Was*

Like in the Land of the Dragon (Imperial China 960-1368) 1998 tr. 102)

[6] Giới nho sĩ được xếp vào hàng thứ chín, dưới gái đĩ (thứ 8), trên ăn mày (thứ 10), Louise Levathes: When China Ruled the Seas, Simon & Schuster, New York 1994 tr. 49

[7] Người Mông Cổ vẫn giữ thói quen ăn uống của dân du mục, ăn thịt uống máu tươi và ít dùng bát đĩa. Họ còn kiêng cử việc tắm gội – bắt nguồn từ việc thiếu nước trong sinh hoạt trên sa mạc và cho rằng mặt nước phản ánh bầu trời, là một hình ảnh thiêng liêng nên tắm gội sẽ làm dơ bẩn Thượng Đế. Họ quan niệm mùi thân thể có liên quan đến linh hồn, càng nặng mùi thì bản thể càng mạnh. Quần áo họ không bao giờ thay mặc đến nát mủn ra thì thôi. Trong khi di hành, họ cắt thịt để dưới yên ngựa và miếng thịt được nhồi như thế sẽ chín trong khi chạy. Họ nấu ăn bằng cách đó cho khỏi mất thì giờ.

(Jacques Brosse: 100,000 years of daily life, A Visual History, Golden Press NY 1961 tr. 82)

[8] Năm 1258, Hulegu, em trai của Nguyên chúa Mông Kha (Mongke) đem quân đánh thành Baghdad được sự yểm trợ tích cực của người Thiên Chúa giáo vì họ vốn có tư thù với người Muslim.

[9] Giai đoạn này được mô tả trong Ý Thiên Đồ Long Ký khi Thường Ngộ Xuân dẫn Trương Vô Kỵ đi đến Hồ Điệp Cốc gặp Y Tiên Hồ Thanh Ngưu.

[10] Time & Life Books: What Life Was Like in the Land of the Dragon (Imperial China 960-1368) 1998 tr. 113

[11] John W. Dardess: The Transformations of Messianic Revolt and the Founding of the Ming Dynasty, The Journal of Asian Studies V. XXIX, No. 3, May 1970 tr. 549.

[12] Đây chính là người mà Kim Dung gọi là Nhữ Dương Vương Sát Hãn Đặc Mục Nhĩ, cha của nàng quận chúa xinh đẹp Mẫn Mẫn Đặc Mục Nhĩ Triệu Mẫn (xin xem thêm ở dưới).

[13] “Di Lạc Phật giáng thế, minh chúa đương xuất”

[14] “Thương thiên dĩ tử, Hoàng thiên đương lập”

[15] “Thạch nhân nhất chích nhãn, Khiêu động Hoàng Hà thiên hạ phản”

[16] Ngô Tất Tố: Việt Nam Văn Học Đồi Trần, Khai Trí 1960 tr. 124. Chính người viết năm 1980 đã đem chuyện này ra chất vấn Tiến Sĩ John W.

Dardess, giáo sư sử học đại học Lawrence, Kansas, một chuyên viên nghiên cứu về triều đại Nguyên-Minh thì ông cho biết ông chưa từng nghe nói đến. Gần đây sử gia Trần Quốc Vượng cũng đã làm một hệ phả của Trần Ích Tắc nhưng không thấy nói gì đến việc này. Do đó chi tiết này không thể coi là đáng tin cậy. Một vấn đề được đặt ra là họ Trần nguyên thủy là tên một tiểu quốc (nước Trần) và từ đó biến thành họ, không phải chỉ xuất hiện ở một vùng mà trải dài theo duyên hải từ nam Trung Hoa sang bắc Việt Nam. Do đó nhiều người cho rằng rất có thể cùng một nguồn gốc ở một thời kỳ xa xăm nhưng sau này không có liên hệ gì với nhau nữa.

[17] Hàn Lâm Nhi làm vua 11 năm chứ không phải chỉ mới lên vài tháng thì bị giết như trong Ý Thiên Đồ Long Ký.

[18] Ngô Hàm (Wu Han): Ming-chiao yu Ta-Ming ti-quo (Mình giáo dữ Đại Minh đế quốc) Tu-shih cha-chi (Peking, 1961), dẫn theo John W. Dardess trong The Transformations of Messianic Revolt and the Founding of the Ming Dynasty (The Journal of Asia Studies, V. XXIX, No. 3, May 1970)

[19] Có nơi lại chép là đứa trẻ người Hán tên thật là Vương Bảo Bảo được ông nhận làm con nuôi nhưng đích thực là cháu gọi bằng cậu. Bản thân Saghan Temur cũng là người miền Uighur nên đôi chỗ chép lầm ông là người Hán mà thực ra Hán nhân ở đây là những dân tộc miền Bắc Trung Hoa theo phân loại của triều Nguyên như Khiết Đan, Nữ Chân, Hối Hột... chứ không phải người Tàu. Trung Quốc Lịch Sử Từ Điển (Trương Tác Hiểu chủ biên, Văn Hóa Nghệ Thuật, Bắc Kinh 1991 tr. 1619)

[20] Trung Quốc Lịch Sử từ điển tr. 568

[21] Có một câu tục ngữ đại ý thách thức những ai huênh hoang là có giỏi thì ra sa mạc bắt Vương Bảo Bảo.

Nguồn: VietKiem

Được bạn: đưa lên

vào ngày: 19 tháng 5 năm 2004